

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XCD

**TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG DD & CHỌC KỲ
M? HỌC PHẦN : ARC - 391**

5

TÍN CHỈ

1

Ngày thi: 26/11/2011

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30						55	100			
1	122230600	NGUYỄN VĂN LONG	K15XCD1	3		4.5						4	4.0	Bấ		
2	131218068	TRỊNH ĐOÀN QUANG NHÂN	K15XCD1	6		6.5						6	6.2	Sầu phẩ Hai		
3	131218095	LÊ Đ?NH SƠN	K15XCD1	3		5.5						HP	0.0	Khẩng		
4	151135243	HỒ THÁI AN	K15XCD1	3		5.5						5	4.9	Bấ phẩ Chên		
5	151212090	TRẦN PHƯỚC ĐÔNG	K15XCD1	6		5.5						5	5.3	Nầm phẩ Ba		
6	151212097	NGUYỄN VĂN THÔNG	K15XCD1	6		7.5						7	7.0	Bẩ		
7	151212101	LÊ THÀNH TRUNG	K15XCD1	6		7.5						7	7.0	Bẩ		
8	151214532	HUỖNH CHẤU THANH HOÀNG	K15XCD1	7		6.5						6	6.3	Sầu phẩ Ba		
9	151214533	BÙI LONG HẢI	K15XCD1	7		7.8						7.3	7.4	Bẩ phẩ Bấ		
10	151214534	NGUYỄN ĐẮC TRUNG NGUYỄN	K15XCD1	7		7.5						7	7.2	Bẩ phẩ Hai		
11	151214536	PHAN VĂN PHÚ	K15XCD1	7		7						6.5	6.7	Sầu phẩ Bẩ		
12	151214539	PHẠM MINH VƯƠNG	K15XCD1	8		7.8						7.2	7.5	Bẩ phẩ Nầm		
13	151214544	NGUYỄN VĂN TUYỀN	K15XCD1	6		6.5						6	6.2	Sầu phẩ Hai		
14	151214545	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	K15XCD1	6		5.5						5	5.3	Nầm phẩ Ba		
15	151214553	LÊ VIỆT DANH TOẠI	K15XCD1	6		5.8						5.3	5.6	Nầm phẩ Sầu		
16	151214564	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	K15XCD1	8		7						6.5	6.9	Sầu phẩ Chên		
17	151214567	NGUYỄN NGỌC GIỎI	K15XCD1	8		7.8						7.3	7.6	Bẩ phẩ Sầu		
18	151214570	CAO VĂN SƠN	K15XCD1	8.5		5.5						5	5.7	Nầm phẩ Bẩ		
19	151214574	HOÀNG VIỆT HẢI	K15XCD1	6		6						5.5	5.7	Nầm phẩ Bẩ		
20	151214583	LÊ MINH QUANG	K15XCD1	6		5.8						5.2	5.5	Nầm phẩ Nầm		
21	151214585	ĐỒ ĐỨC THỊNH	K15XCD1	7		6.5						6	6.3	Sầu phẩ Ba		
22	151214586	NGUYỄN HOÀNG THẮNG	K15XCD1	6		5.5						5	5.3	Nầm phẩ Ba		
23	151214587	NGÔ TÙNG SƠN	K15XCD1	3		5.5						5	4.9	Bấ phẩ Chên		
24	151214597	NGUYỄN QUỐC NHI	K15XCD1	6		6.5						6	6.2	Sầu phẩ Hai		
25	151214600	TRẦN VĨNH THÀNH	K15XCD1	3		5.5						5	4.9	Bấ phẩ Chên		
26	151214603	THÁI VĂN HÙNG	K15XCD1	6		5						4.5	4.9	Bấ phẩ Chên		
27	151214606	LÊ DUY THANH	K15XCD1	6		6						5.5	5.7	Nầm phẩ Bẩ		
28	151214608	LÊ VIỆT HÙNG	K15XCD1	7		7.5						7	7.2	Bẩ phẩ Hai		
29	151214612	NGUYỄN LÊ HỮU LỘC	K15XCD1	7		7.8						7.3	7.4	Bẩ phẩ Bấ		
30	151214613	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	K15XCD1	3		5.5						5	4.9	Bấ phẩ Chên		
31	151214615	HUỖNH VĂN B?Y	K15XCD1	6		6.5						6	6.2	Sầu phẩ Hai		
32	151214622	TRẦN VĂN MẠNH	K15XCD1	7		7						6.5	6.7	Sầu phẩ Bẩ		
33	151214624	NGUYỄN VĂN BẢO	K15XCD1	6		4.5						4	4.5	Bấ phẩ Nầm		
34	151215632	ĐẶNG THÀNH PHONG	K15XCD1	6		6.5						6	6.2	Sầu phẩ Hai		
35	151215635	NGUYỄN CỬU	K15XCD1	7		6.8						6.3	6.6	Sầu phẩ Sầu		
36	151215788	HỒ PHAN NGỌC NHÂN	K15XCD1	7		7						6.5	6.7	Sầu phẩ Bẩ		
37	151215791	PHẠM PHƯỚC QUỐC VŨ	K15XCD1	3		5						4.5	4.4	Bấ phẩ Bấ		
38	151215901	LÊ ANH TÙNG	K15XCD1	6		8.5						8	7.9	Bẩ phẩ Chên		
39	151215902	DƯƠNG HOÀI NAM	K15XCD1	3		5.5						5	4.9	Bấ phẩ Chên		
40	151216012	LÊ NGỌC SÁNG	K15XCD1	6		7.5						7	7.0	Bẩ		

Ngày thi: 26/11/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
41	151216013	PHẠM TIẾN	TÓI	K15XCD1	3		4.5							4	4.0	B á ú	
42	151216089	NGUYỄN VĂN	B?NH	K15XCD1	6		5							4.5	4.9	B á ú ph á p Ch ê n	
43	151216132	ĐOÀN CHÍ	CÔNG	K15XCD1	6		7							6.5	6.6	S à u ph á p S à u	
44	151216253	LÊ VĂN	LỆ	K15XCD1	7		8.3							7.8	7.8	B á y ph á p T à m	
45	151322158	BÙI VĂN	LƯƠNG	K15XCD1	7		7							6.5	6.7	S à u ph á p B á y	
46	151324886	HUỶNH THỊ	SANG	K15XCD1	7		7.5							7	7.2	B á y ph á p H à i	
47	151325641	NGÔ HUỶNH ĐAN	CA	K15XCD1	6		6.5							6	6.2	S à u ph á p H à i	
48	151214592	NGUYỄN QUANG	CƯỜNG	K15XCD1	0		0							HP	0.0	Kh ê ng	
49	141213131	HỒ CẢNH	B?NH	K15XCD2	9		5.5							6.8	6.7	S à u ph á p B á y	
50	141213241	LÊ VĂN	TIẾN	K15XCD2	10		6							6	6.6	S à u ph á p S à u	
51	151132262	TRẦN KHÁNH	BÁO	K15XCD2	7		5.5							5	5.5	N à m ph á p N à m	
52	151135145	PHAN QUỐC	SÁNG	K15XCD2	10		7							5	6.4	S à u ph á p B á ú	
53	151136042	NGUYỄN THỊ	NH?	K15XCD2	9		5							6	6.2	S à u ph á p H à i	
54	151212089	TRỊNH	TUẤN	K15XCD2	10		7							6.5	7.2	B á y ph á p H à i	
55	151212095	TRẦN VĂN	THÈ	K15XCD2	10		5.5							4	5.4	N à m ph á p B á ú	
56	151214535	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	K15XCD2	0		0							HP	0.0	Kh ê ng	
57	151214538	HUỶNH ĐỨC HOÀNG	HẢI	K15XCD2	10		6.8							6.5	7.1	B á y ph á p M ã u	
58	151214540	ĐỖ THỊ CẨM	NHI	K15XCD2	10		7							7	7.5	B á y ph á p N à m	
59	151214541	NGUYỄN HOÀNG	HÀ	K15XCD2	10		8							8	8.3	T à m ph á p B à	
60	151214542	VŨ HỮU	ỨNG	K15XCD2	9		6							6	6.5	S à u ph á p N à m	
61	151214547	BÙI TÁ	ẤN	K15XCD2	0		0							V	0.0	Kh ê ng	
62	151214549	NGUYỄN HUY	CHƯƠNG	K15XCD2	10		7.5							6.5	7.3	B á y ph á p B à	
63	151214550	HỒ CÔNG QUỐC	PHONG	K15XCD2	10		5							7	6.9	S à u ph á p Ch ê n	
64	151214552	LƯƠNG DUYÊN	GIANG	K15XCD2	10		7							7	7.5	B á y ph á p N à m	
65	151214555	LÊ PHI	HOÀNG	K15XCD2	7.5		4							6.5	5.9	N à m ph á p Ch ê n	
66	151214558	HOÀNG NGỌC	HẢI	K15XCD2	10		6.5							5	6.2	S à u ph á p H à i	
67	151214562	HỒ SỸ	LIÊM	K15XCD2	10		5.5							7	7.0	B á y	
68	151214566	ĐẶNG THÀNH	ĐẠT	K15XCD2	10		6							6	6.6	S à u ph á p S à u	
69	151214572	TRẦN VĂN	DỰ	K15XCD2	10		7							7	7.5	B á y ph á p N à m	
70	151214584	ĐINH HOÀNG	HUY	K15XCD2	9		4							6	5.9	N à m ph á p Ch ê n	
71	151214589	NGUYỄN VĂN	HIỆU	K15XCD2	10		6							6.5	6.9	S à u ph á p Ch ê n	
72	151214590	NGUYỄN THỊ KIM	THU	K15XCD2	10		7							7.5	7.7	B á y ph á p B á y	
73	151214593	NGUYỄN DUY	NAM	K15XCD2	7.5		6							6	6.2	S à u ph á p H à i	
74	151214596	LÊ THÈ	SANG	K15XCD2	10		6							6.3	6.8	S à u ph á p T à m	
75	151214602	TRẦN CÔNG	TOÀN	K15XCD2	10		7.5							7.3	7.8	B á y ph á p T à m	
76	151214623	LƯƠNG	NINH	K15XCD2	7.5		6							5.5	6.0	S à u	
77	151215629	NGUYỄN TUẤN	VŨ	K15XCD2	9		4							5	5.3	N à m ph á p B à	
78	151215637	V? V ẮN	SANG	K15XCD2	10		5							5	5.8	N à m ph á p T à m	
79	151215638	TRẦN THÈ	HÙNG	K15XCD2	10		5							6.5	6.6	S à u ph á p S à u	
80	151215640	PHAN NGỌC	HÙNG	K15XCD2	9		5							5	5.6	N à m ph á p S à u	
81	151215790	TRẦN XUÂN	RIN	K15XCD2	9		6							5	5.9	N à m ph á p Ch ê n	
82	151215865	TRẦN THANH	TÙNG	K15XCD2	7.5		6							5	5.7	N à m ph á p B á y	
83	151215900	NGUYỄN MINH	CẨM	K15XCD2	7.5		5							5	5.4	N à m ph á p B á ú	

Ngày thi: 26/11/2011

LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
84	151215921	NGUYỄN NHẬT	TÂN	K15XCD2	9		4							5	5.3	Năm pháp Ba	
85	151215944	BÙI CHÍ	TRUNG	K15XCD2	0		0						V	0.0	Khăng		
86	151216016	LÊ HÙNG	SƠN	K15XCD2	10		7						7	7.5	Bảy pháp Năm		
87	151216176	NGUYỄN XUÂN	THỨC	K15XCD2	10		7						6.8	7.3	Bảy pháp Ba		
88	151216210	NGUYỄN VĂN	TRUNG	K15XCD2	10		6.5						7.5	7.6	Bảy pháp Sáu		
89	151216251	NGUYỄN HUY	CƯỜNG	K15XCD2	0		0						HP	0.0	Khăng		
90	151216252	NGUYỄN DUY	TOÀN	K15XCD2	10		6						5.5	6.3	Sáu pháp Ba		
91	151216381	NGUYỄN MẬU	B?NH	K15XCD2	10		7.8						8	8.2	Tám pháp Hai		
92	151325866	LÊ THANH	BẢO	K15XCD2	10		4						5	5.5	Năm pháp Năm		
93	131218010	MAI NGỌC	HIẾU	K15XCD2	0		0						HP	0.0	Khăng		
94	151212094	NGUYỄN TÔ	THÀNH	K15XCD2	7.5		6						4	5.1	Năm pháp Mất		
95	151212103	HOÀNG NGỌC	THANH	K15XCD2	8.5		6						4.5	5.6	Năm pháp Sáu		
96	151216379	CHÂU MINH	MINH	K15XCD2	9		5						5	5.6	Năm pháp Sáu		
1	3148	NGUYỄN VĂN	DŨNG	K14XCD	6		5						4.5	4.9	Bốn pháp Chèn		
2	3228	NGUYỄN VĂN	THỂ	K14XCD	6		5						4.5	4.9	Bốn pháp Chèn		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	91	93%	
2	Số sinh viên nợ	7	7%	
TỔNG CỘNG :		98	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 12 năm 2011

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú